TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-PT
Ngày 20 - 4 - 2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ, di dời tài sản trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Cao Đức Chiến;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Ông Lộc Văn Đông, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ, di dời tài sản trên đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2021 và thông báo chuyển ngày xét xử số 02/2021/TB-TA ngày 21/01/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐ-PT ngày 04/3/2021; quyết định ngừng phiên tòa số 08/2021/QĐPT-DS ngày 17/3/2021; thông báo chuyển ngày xét xử số 10/2021/TB-TA ngày 05/4/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 24/QĐ-PT ngày 12/4/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Tiến T, sinh năm 1936; địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Tiến T: Ông Đoàn Tiến B, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2019. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Triệu Quang C, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn E, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Bà Đào Thị Thúy M - Luật sư Công ty Luật V, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn:

1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1944, vắng mặt.

2.Ông Đoàn Tiến B, sinh năm 1968, có mặt.

3. Ông Đoàn Tiến A, sinh năm 1971, vắng mặt.

4. Ông Đoàn Tiến T1, sinh năm 1975, vắng mặt.

5. Bà Đoàn Tiến H1, sinh năm 1981, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L, ông Đoàn Tiến A, ông Đoàn Tiến T1, bà Đoàn Tiến H1: Ông Đoàn Tiến B, có mặt.

6. Bà Đoàn Thị C, sinh năm 1970, vắng mặt.

7. Bà Đoàn Thị L1, sinh năm 1978, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn:

1. Ông Triệu Văn T, vắng mặt

2. Ông Triệu Quang V, có mặt

3. Ông Triệu Văn T1, có mặt

4. Ông Triệu Văn C, có mặt

5. Ông Triệu Văn D, vắng mặt

6. Ông Triệu Văn Đ, có mặt

7. Ông Triệu Văn H, vắng mặt

8. Ông Triệu Quang L, có mặt

9. Ông Triệu Văn G, có mặt

10. Ông Triệu Xuân T, vắng mặt

11. Ông Triệu Quang B, vắng mặt

12. Ông Triệu Lý N, vắng mặt

13. Ông Triệu Văn V, vắng mặt

14. Ông Triệu Văn S, vắng mặt

15. Ông Triệu Văn B, vắng mặt

16. Ông Triệu Kim T2, vắng mặt

17. Ông Triệu Văn H1, vắng mặt

18. Ông Triệu Quý B, vắng mặt

19. Ông Triệu Quý H, vắng mặt

20. Ông Triệu Văn D1, có mặt

21. Ông Triệu Văn B1, vắng mặt

22. Ông Triệu Vinh Q, vắng mặt

23. Ông Triệu Gia Đ, có mặt

24. Ông Triệu Ngọc K, có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Triệu Văn T, ông Triệu Quang V, ông Triệu Văn T1, ông Triệu Văn C, ông Triệu Văn D, ông Triệu Văn Đ, ông Triệu Văn H, ông Triệu Quang L, ông Triệu Văn G, ông Triệu Xuân T, ông Triệu Quang B, ông Triệu Lý N, ông Triệu Văn V, ông Triệu Văn S, ông Triệu Văn B, ông Triệu Kim T2, ông Triệu Văn H1, ông Triệu Quý B, ông Triệu Quý H, ông Triệu Văn D1, ông Triệu Văn B1, ông Triệu Vinh Q, ông Triệu Gia Đ, ông Triệu Ngọc K: Ông Triệu Quang C; địa chỉ: Thôn E, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

25. Ông Triệu Văn H2, vắng mặt

26. Ông Triệu Quang V2, vắng mặt

27. Ông Triệu Văn T2, vắng mặt

28. Ông Triệu Quang Y2, vắng mặt

29. Ông Triệu Đức H2, vắng mặt

30. Ông Triệu Văn V2, vắng mặt

31. Ông Triệu Quang T2, vắng mặt

32. Ông Triệu Văn C1, vắng mặt

33. Ông Triệu Văn N1, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

34. Ông Triệu Quang V2. Địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

35. Ông Triệu Văn H3. Địa chỉ: Xóm K, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

36. Ông Triệu Văn P1; địa chỉ: Thôn E, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Vy Văn T, địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Đoàn Tiến T là nguyên đơn và ông Triệu Quang C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phía nguyên đơn trình bày: Đất tranh chấp có nguồn gốc do ông Đoàn Tiến T và bà Phạm Thị L khai phá từ những năm 1968 để trồng cây tre và cây ăn quả, khi đó đã thấy ngôi mộ của họ T có từ trước, xung quanh ngôi mộ là đất hoang. Từ khoảng năm 1980 họ T khi đi tảo mộ đã chặt phá cây, vì muốn giữ hòa khí nên gia đình ông nhẫn nhịn không có ý kiến. Sau đó gia đình ông đã trồng lại cây lấy gỗ và thu hoạch, đang có ý định tiếp tục trồng cây ăn quả thì xảy ra mâu thuẫn. Hai bên chính thức tranh chấp từ ngày 06/01/2019 do ông Triệu Quang C đưa đông người đến lập hàng rào dây thép gai xung quanh khu mộ, tự ý chặt cây xung quanh khuôn viên và cấp tốc xây dựng ngôi mộ, láng sân bê tông, dựng tường bao với diện tích khoảng hơn một trăm mét vuông. Ông Đoàn Tiến T được cấp Giấy chứng nhận sử dụng đối với đất tranh chấp năm 1999. Việc không kê khai ngôi mộ có trên đất vì thiếu hiểu biết và hai bên khi đó không có tranh chấp; đất bên gia đình ông trồng cây, bên mộ họ T trông coi, chạp mả hàng năm không có ranh giới, không có bờ rào. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc họ T dỡ bỏ toàn bộ công trình đã xây dựng (trừ ngôi mộ khoảng 3m^2 và lối đường đi vào rộng khoảng 1,5m đến 2m) để trả phần đất còn lại cho gia đình ông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đoàn Tiến T. Ông Đoàn Tiến T tự nguyện cho dòng họ T quản lý, sử dụng diện tích đất khu mộ khoảng 60m^2.

Phía bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong họ T trình bày: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là phần đất mộ tổ của dòng họ T từ rất lâu (mộ cụ bà Lý Thị S chết năm 1932 – là vợ của cao tổ Triệu Trung M), trước khi nhà ông Đoàn Tiến T đến khai hoang. Hàng năm dòng họ vẫn đến chạp mả, dọn dẹp, thờ cúng. Kể từ khi con của ông Đoàn Tiến T xây nhà đã xả nước thải sinh hoạt gây ô uế phần đất mả tổ của họ T. Dòng họ T cũng đã có ý kiến và ông Đoàn Tiến T hứa khắc phục nhưng không thực hiện nên họ T đã quyết định giăng dây thép gai để làm ranh giới, xây lại ngôi mộ cao to hơn, đổ sân bê tông, làm tường bao như hiện trạng. Việc xây mộ diễn ra trong thời gian 06 ngày nhưng không có ai có ý kiến gì. Quá trình xây mộ tất cả những người đại diện gia đình trong dòng họ T đều được trực tiếp đóng góp công sức, tiền của để xây dựng. Nay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên hiện trạng đất khu mộ và để ông Triệu Quang C thay mặt dòng họ T được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất và phần mộ, khuôn viên mộ mà họ T đã xây dựng.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/7/2020 xác định diện tích đất tranh chấp là 112,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 346, tờ bản đồ 23 tại Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa L 169516, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 674 QSDĐ/52 mang tên Đoàn Tiến T do UBND huyện H cấp ngày 06/02/1999. Trên đất tranh chấp có 01 ngôi mộ xây gạch chỉ đỏ không chát, đường kính D = 3,5m, có diện tích khoảng 10 m^2, cạnh mộ chính có 01 ngôi mộ đất nhỏ (mộ giả không có cốt, còn gọi là bếp mả) có diện tích 0,84m^2 xây đắp gạch chỉ, xung quanh mộ có sân đổ

bê tông và tường bao quanh, ngoài ra còn một cây bàng do ông Đoàn Tiến T trồng.

Tại Biên bản định giá ngày 17/7/2020 xác định diện tích đất tranh chấp có giá thực tế chuyển nhượng là 2.300.000 đồng/m^2, cây bàng trị giá 117.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

I. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Tiến T về yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và di dời tài sản trên đất, cụ thể:

1. Bị đơn ông Triệu Quang C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 112,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 346, tờ bản đồ số 23 - bản đồ địa chính xã S huyện H, tỉnh Lạng Sơn có diện tích thực tế 4.832m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa L 169516, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 674 QSDĐ/52 mang tên ông Đoàn Tiến T (hồ sơ kê khai, phê duyện, cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Tiến T) do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 06/02/1999 và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, cụ thể:

- Diện tích đất 112,1m^2ký hiệu A1BCDEFG, có tứ cận tiếp giáp, kích thước như sau:

+ Phía Nam giáp đất ông Đoàn Tiến T, có chiều dài cạnh ký hiệu AG, kích thước 1,51m + 5,49m + 7,79m = 14,79m

+ Phía Bắc giáp nhà bà Đoàn Thị L1, có chiều dài cạnh ký hiệu BCDE, là đường gấp khúc, kích thước 8,42m + 1,23m + 1,07m + 2,73m = 13,45m.

+ Phía Tây giáp đường đi xã Minh Hoà có chiều dài cạnh ký hiệu B1A, kích thước1,65m + 3,45m + 2,01m = 7,11m

+ Phía Đông giáp đất nhà ông Đoàn Tiến T có chiều dài cạnhký hiệu GFE, là đường gấp khúc kích thước 4,19m + 1,9m + 3,3m = 9,39m.

- Tài sản trên đất, bao gồm:

+ 01 cây bàng đường kính lớn hơn 20cm – 30cm.

+ 01 ngôi mộ xây gạch chỉ đỏ không chát, chiều cao khoảng 02m cửa mộ quay về hướng Nam, ngôi mộ chính xây hình tròn chóp nón tam cấp nằm chính giữa khu mộ, đường kính D = 3,5m, có diện tích khoảng 10m^2.

+ Tường bao quanh khu mộ xây gạch cay bê tông, tường không chát 02 mặt, kích thước 22,5x1,2 + (12mx0,8) = 36,6m^2

+ Sân láng xi măng diện tích khoảng 112,1 m^2 – 10m^2 = 102,1m^2

+ 01 mộ giả không có cốt (mả bếp) diện tích 0,84m^2, xây đắp gạch chỉ.

2. Buộc bị đơn ông Triệu Quang C và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn (theo danh sách kèm theo bản án) phải liên đới bồi thường, thanh toán tổng số tiền 101.777.000 đồng cho nguyên đơn ông Đoàn Tiến T.

3. Không chấp nhận yêu cầu buộc tháo dỡ, di dời tài sản trên diện tích đất tranh chấp của nguyên đơn ông Đoàn Tiến T đối với bị đơn ông Triệu Quang C và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn (có danh sách kèm theo bản án).

II. Án phí, chi phí tố tụng:

1. Án phí:

- Nguyên đơn ông Đoàn Tiến T được miễn 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đoàn Tiến T số tiền 767.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2016/0000210 ngày 07/2/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

- Buộc bị đơn ông Triệu Quang C phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước.

2. Chi phí tố tụng:

- Nguyên đơn ông Đoàn Tiến T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản tổng số tiền 4.746.000 đồng; xác nhận đã thi hành đủ.

- Buộc bị đơn ông Triệu Quang C phải thanh toán, hoàn trả số tiền 4.746.000 đồng cho nguyên đơn ông Đoàn Tiến T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ chịu lãi chậm trả, quyền và nghĩa vụ thực hiện quyền của người sử dụng đất, án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ông Đoàn Tiến T kháng cáo buộc ông Triệu Quang C phải tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình đã xây dựng trên đất để trả lại phần đất đã lấn chiếm, chỉ để lại ngôi mộ đã xây có diện tích 10m^2 và tính từ chân mộ ra là 0,5m lối đi lại quanh mộ. Ông T đồng ý cho dòng họ T được đi nhờ lối đi vào mộ, khi nào chuyển mộ đi phải trả lại toàn bộ đất cho ông Đoàn Tiến T.

Ông Triệu Quang C kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, xem xét yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông Đoàn Tiến T.

Ngày 05/4/2021 Ủy ban nhân dân huyện H có văn bản về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đoàn Tiến T để chỉnh lý, sửa đổi cấp lại mới theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Phía nguyên đơn ông Đoàn Tiến T xin rút một phần yêu cầu kháng cáo, đồng ý để dòng họ T được quản lý sử dụng phần diện tích đất mộ là khoảng 60m^2 theo thỏa thuận trước đây như sơ họa; đối với số diện tích đất đã xây tường rào lấn ra, yêu cầu ông Triệu Quang C và những người liên quan phải tháo dỡ tường rào để trả lại cho gia đình ông sử dụng.

- Phía ông Triệu Quang C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng vẫn yêu cầu giữ nguyên hiện trạng diện tích đất cũng như tường rào đã xây dựng; không đồng ý thanh toán tiền và không đồng ý tháo dỡ tường rào để trả đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm, giữ nguyên hiện trạng đã xây dựng và không buộc bị đơn phải tháo dỡ công trình cũng như không phải thanh toán phần đất mà nguyên đơn cho rằng đã xây lấn chiếm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự, người tham gia tố tụng khác chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: - Tại văn bản số 387/UBND-TNMT ngày 05/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn cung cấp về việc xử lý thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đoàn Tiến T để chỉnh lý, sửa đổi cấp lại mới theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, sai sót của bản án sơ thẩm đã được khắc phục, nên việc xem xét hủy bản án sơ thẩm là không cần thiết.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của các đương sự, xét thấy bản án sơ thẩm đã xem xét cân nhắc, xử lý đảm bảo quyền lợi của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phong tục tập quán tại địa phương; do đó đề nghị xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng vắng mặt nói trên đã cung cấp lời khai, văn bản nêu ý kiến; đồng thời những người này đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc có ủy quyền, người nhận ủy quyền có mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Xét kháng cáo của ông Đoàn Tiến T thấy rằng: Thửa đất số 346, tờ bản đồ 23 tại Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa L 169516, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 674 QSDĐ/52 mang tên Đoàn Tiến T do UBND huyện H cấp ngày 06/02/1999, có nguồn gốc do gia đình ông Đoàn Tiến T khai phá từ những năm 1968 canh tác, quản lý, sử dụng; trong đó có diện tích 112,1m^2 đất đang tranh chấp, trên diện tích đất tranh chấp có một ngôi mộ, một cây bàng và tường rào bao quanh khu mộ của dòng họ T do ông Triệu Quang C đại diện quản lý. Hai bên đương sự đều thừa nhận ngôi mộ của họ T đã có từ xa xưa, trước thời điểm những năm 1968 khi gia đình ông Đoàn Tiến T đến khai phá; trước đây ngôi mộ chỉ đắp

bằng đất, xung quanh không có khuôn viên, không có mốc giới, hàng năm hai bên vẫn quản lý sử dụng không xảy ra tranh chấp; năm 2019 do ông Triệu Quang C đưa người đến tự ý chặt cây xung quanh và xây dựng tường rào khuôn viên khu mộ mở rộng diện tích ra 112,1m^2 đất, phía ông Đoàn Tiến T có ý kiến chỉ đồng ý để khuôn viên và đường đi vào khu mộ với diện tích khoảng 60m^2 (thực tế theo đo vẽ sơ họa là 67,9 m^2), nhưng phía ông Triệu Quang C không đồng ý nên đã xây ra tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía ông Đoàn Tiến T xin rút một phần kháng cáo, vẫn đồng ý để cho phía bị đơn quản lý sử dụng phần diện tích có mộ tổ diện tích theo thỏa thuận ban đầu là 67,9 m^2, chỉ yêu cầu phía bị đơn trả lại phần diện tích mở rộng là 44,2m^2 đất.

[3] Xét diện tích đất xây khu mộ của họ T thấy rằng: Theo quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng và Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành quy định mức đất về chế độ quản lư việc xây dựng phần mộ, tượng đài, bia tưởng niệm trong nghĩa trang trên địa bản tỉnh Lạng Sơn, tại Điều 4 Chương II quy định: Diện tích đất cho mỗi phần mộ hung táng hoặc chôn cất một lần tối đa không quá 05m^2 đất; diện tích đất sử dụng cho mỗi phần mộ cát táng (gồm mộ mai táng hài cốt sau khi cát táng và mộ chôn cất lọ tro cốt sau hỏa táng) tối đa không quá 03m^2 đất; như vậy, theo quy định nêu trên thì nếu đất thuộc quy hoạch là đất nghĩa trang thì diện tích đất cho một ngôi mộ tổ của họ T do ông Triệu Quang C đang quản lý cũng không quá 05m^2. Xét thấy, việc xây dựng ngôi mộ, tâng nền đất, láng sân bê tông, xây tường bao khuôn viên được họ T thực hiện vào tháng 01/2019; phía người đại diện của nguyên đơn cho rằng không nhất trí với việc tự ý mở rộng diện tích đất xây mộ, đã trình báo chính quyền địa phương yêu cầu xử lý đình chỉ nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh ngoài biên bản sự việc lập ngày 20/01/2019, nhưng cũng thừa nhận do ngôi mộ có trước từ xa xưa nên đã có ý kiến đồng ý với việc dành khoảng 60m^2 bao gồm cả diện tích đường đi vào khu mộ để nâng cấp, xây dựng ngôi mộ khang trang, sạch đẹp và khuôn viên đất là phù hợp với thực trạng và phong tục tập quán tại địa phương, nhưng không đồng ý với diện tích đất mà họ T đã xây tường bao với tổng diện tích đất là 112,1m^2. Tại biên bản hòa giải ngày 19/9/2019, đại diện ông Đoàn Tiến B và Triệu Quang C đều thống nhất đo đạc tại thực địa diện tích đất khu mộ đang tranh chấp và lập sơ họa theo thỏa thuận của gia đình ông Đoàn Tiến T, phần mở rộng ngoài phạm vi thỏa thuận phía gia đình ông Đoàn Tiến T yêu cầu phải tháo dỡ tường rào để trả lại diện tích đất cho gia đình Ông T sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định thỏa thuận tự nguyện của gia đình ông Đoàn Tiến T cơ bản đảm bảo được ý chí, nguyện vọng, nhu cầu, mục đích sử dụng thuận tiện cho các bên và không trái với Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ và Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, nên bản án sơ thẩm đã quyết định phân xử diện tích đất tranh chấp giữa hai bên đương sự, theo đó phần diện tích phía bị đơn được chấp nhận là 67,9 m^2, phía bị đơn không được chấp nhận diện tích 44,2m^2 là phù hợp với quy định của pháp luật; như vậy, đối

với việc rút một phần kháng cáo của phía nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn buộc dòng họ T phải tháo dỡ, di dời công trình, tài sản trên phần đất ngoài thỏa thuận của nguyên đơn để trả lại nguyên trạng đất cho nguyên đơn thấy rằng: Các công trình, tài sản này là do các thành viên trong dòng họ T đóng góp xây dựng; việc tháo dỡ, di dời có thể sẽ gây mâu thuẫn không đáng có, gây ra hệ lụy khó lường, ảnh hưởng không tốt tới tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng vẫn giữ nguyên hiện trạng tài sản của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của phía bị đơn được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 112,1m^2 cùng toàn bộ tài sản trên đất đang tranh chấp; nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của phía bị đơn phải thanh toán giá trị quyền sử dụng diện tích đất không được nguyên đơn chấp nhận theo giá của Hội đồng định giá tài sản, cụ thể là 44,2m^2 x 2.300.000đ/m^2 = 101.660.000đ và 01 cây bàng là 117.000đ; tổng số tiền bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của phía bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn ông Đoàn Tiến T là 101.777.000 đồng (Một trăm linh một triệu bẩy trăm bẩy mươi bẩy nghìn đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật; như vậy, phần kháng cáo của phía bị đơn ông Triệu Quang C không đồng ý trả lại phần diện tích đất, không đồng ý thanh toán giá trị quyền sử dụng diện tích đất không được nguyên đơn chấp nhận cho nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Đối với kháng cáo của ông Triệu Quang C đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, xem xét yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đoàn Tiến T. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Triệu Quang C đã rút các yêu cầu này; tuy nhiên xét thấy, mặc dù cơ quan có thẩm quyền cho rằng: Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Tiến T là đúng quy định, việc cấp Giấy chứng nhận theo hình thức người dân tự kê khai, sau khi thông báo, niêm yết không có tranh chấp sẽ cấp quyền sử dụng đất, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được niêm yết công khai, không có khiếu nại; bản thân ông Đoàn Tiến T cũng tự thừa nhận không kê khai ngôi mộ tổ dòng họ T do thiếu hiểu biết pháp luật. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân xã cùng các cơ quan chuyên môn đã không kiểm tra kỹ thực địa nên đã sơ xuất cấp đất cho ông Đoàn Tiến T trong khi có tài sản trên đất của người khác; việc sai sót này cũng do bản thân những người liên quan trực tiếp trong dòng họ T cũng có một phần lỗi khi không kê khai xin cấp quyền sử dụng đất có phần mộ tổ, thậm chí ông Triệu Quang Hưng là người của dòng họ T tại thời điểm đó là cán bộ địa chính xã chủ quản liên quan trực tiếp giải quyết trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Tiến T cũng đã ký biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất không có tranh chấp cho ông Đoàn Tiến T. Như vậy, bản án sơ thẩm chưa xem xét ý kiến của phía bị đơn là thiếu sót; tuy nhiên ngày 05/4/2021 Ủy ban nhân dân huyện H đã xác minh thấy rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp mang tên ông Đoàn Tiến T chưa đảm bảo đúng quy định nên Ủy ban nhân dân huyện H đã phát hành văn bản về

việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp để chỉnh lý cấp mới cho ông Đoàn Tiến T theo đúng quy định; với ý kiến đó của Ủy ban nhân dân huyện H, xét việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đoàn Tiến T như ý kiến của phía bị đơn là không cần thiết và như vậy không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm. Vì vậy, bị đơn ông Triệu Quang C xin rút ý kiến kháng cáo hai vấn đề nêu trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của các đương sự là không có cơ sở chấp nhận. Xét, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông Triệu Quang C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Đoàn Tiến T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Tiến T và ông Triệu Quang C, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự số 11/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí phúc thẩm

- Ông Triệu Quang C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà ông Triệu Quang C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002027 ngày 11/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- Ông Đoàn Tiến T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP, Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Hữu Lũng;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: Hồ sơ, TDS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Sơn